

Số: 756/TTr-UBND

Pleiku, ngày 18 tháng 12 năm 2021

**TỜ TRÌNH**

**Về việc đề nghị thông qua dự toán ngân sách năm 2022  
và phương án phân bổ dự toán ngân sách cấp Thành phố năm 2022**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XII - Kỳ họp thứ Tư.

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26/7/2021 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022 và kế hoạch tài chính - ngân sách Nhà nước 3 năm 2022-2024;*

*Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai về ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách địa phương và thông qua phương án phân bổ vốn năm 2022 nguồn ngân sách Trung ương;*

*Căn cứ Kết luận số 1145-KL/TU ngày 17/12/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy phiên họp ngày 16/12/2021;*

*Xét đề xuất của phòng Tài chính – Kế hoạch Thành phố tại Văn bản số: 2210/TCKH-QLNS ngày 17/12/2021;*

Căn cứ nhiệm vụ cụ thể của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, UBND các xã, phường, UBND Thành phố lập dự toán ngân sách Thành phố năm 2022 và phương án phân bổ ngân sách cấp thành phố năm 2022 kính trình HĐND Thành phố khóa XII - Kỳ họp thứ Tư xem xét thông qua, cụ thể như sau:

**I. DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2022**

<b>1. Tổng thu NSNN trên địa bàn</b>	<b>1.500.510</b>	<b>Triệu đồng</b>
- Thu từ DNNN Trung ương, Tỉnh	1.300	Triệu đồng
- Thu từ khu vực công thương nghiệp NQD	235.125	Triệu đồng

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (thuế nhà đất)	3.725	Triệu đồng
- Tiền sử dụng đất và đấu giá QSDĐ	939.400	Triệu đồng
- Lệ phí trước bạ	150.550	Triệu đồng
- Phí và lệ phí	18.500	Triệu đồng
- Thuế thu nhập cá nhân	68.200	Triệu đồng
- Thu tiền cho thuê đất	57.000	Triệu đồng
- Phạt VPHC do cơ quan thuế quản lý	5.000	Triệu đồng
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	2.600	Triệu đồng
- Thu khác và phạt các loại	19.110	Triệu đồng
<b>2. Tổng thu ngân sách Thành phố</b>	<b>1.449.575</b>	<b>Triệu đồng</b>
- Thu ngân sách Thành phố hưởng theo phân cấp	1.024.220	Triệu đồng
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp Tỉnh	425.355	Triệu đồng
+ Bổ sung cân đối	423.121	Triệu đồng
+ Bổ sung có mục tiêu	2.234	Triệu đồng

## II. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2022

### 1. Nguyên tắc phân bổ chi thường xuyên

#### 1.1. Các nguyên tắc chung:

Định mức phân bổ chi ngân sách được tính toán đủ kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách mới, tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, các chế độ chính sách đã được Trung ương, Tỉnh ban hành.

Trường hợp Nhà nước có thay đổi về chế độ tiền lương, các chế độ chính sách khác có liên quan đến kinh phí thì thực hiện điều chỉnh theo hướng dẫn, quy định của cấp có thẩm quyền.

#### 1.2. Tiêu chí phân bổ:

- Đối với các cơ quan quản lý hành chính: Chọn tiêu chí biên chế được xác định trên cơ sở Quyết định giao chỉ tiêu biên chế hàng năm của cấp có thẩm quyền.

- Đối với các đơn vị trường học: Chọn tiêu chí số lớp.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập: Chọn tiêu chí biên chế và căn cứ nhiệm vụ được giao, NSNN hỗ trợ chi thường xuyên các đơn vị sự nghiệp công lập theo cơ chế tự chủ tài chính quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

- Đối với Ngân sách cấp xã, phường: Ngoài định mức do Tỉnh phân cấp, Thành phố bổ sung thêm đảm bảo các khoản chi lương, phụ cấp, đưa vào cân đối chi các chế độ, chính sách hiện hành... tạo điều kiện cho ngân sách cấp xã, phường có kinh phí bảo đảm chi cho các chế độ, chính sách và các khoản chi cần thiết theo quy định của Nhà nước.

## **2. Định mức phân bổ:**

### **2.1 Định mức phân bổ chi ngân sách cho các cơ quan quản lý hành chính:**

a. *Định mức chính:* Gồm lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương tính theo quy định hiện hành của sổ biên chế có mặt (*Kể cả lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000, Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ*) và kinh phí nâng lương hàng năm.

b. *Định mức phân bổ theo biên chế được giao:* 35 triệu đồng/người/năm.

c. *Định mức phân bổ bổ sung:*

- Đối với các đơn vị có các khoản chi chuyên môn nghiệp vụ để phục vụ các nhiệm vụ chung của Thành phố gồm: Văn phòng Thành ủy, Văn phòng HĐND-UBND tính bổ sung thêm 30% trên định mức chi quản lý Nhà nước của biên chế.

- Các phòng, ban, đoàn thể có lĩnh vực hoạt động mang tính tổng hợp và các hoạt động phong trào gồm: Phòng Tài chính - Kế hoạch được tính bổ sung thêm 20% trên định mức chi quản lý Nhà nước của biên chế được giao; Thành đoàn, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân khi giao dự toán chi được tính thêm bằng 70% trên định mức chi quản lý Nhà nước của biên chế được giao để chi thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động phong trào, tuyên truyền, công tác Đoàn, Hội.

- Ban Tổ chức Thành ủy, Ban Tuyên giáo Thành ủy, Ban Dân vận Thành ủy, Ủy ban kiểm tra Thành ủy bổ sung thêm 70 triệu đồng/ban/năm.

- Hỗ trợ chi hoạt động thường xuyên của lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập: vận dụng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ như đối với lĩnh vực chi quản lý hành chính.

d. *Định mức phân bổ và phân bổ bổ sung đã bao gồm:*

- Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên của bộ máy các cơ quan phát sinh hàng năm: Tiền làm đêm, thêm giờ, khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, chi phí hội nghị, vật tư văn phòng, điện nước, xăng dầu, thanh toán dịch vụ công cộng, chi ứng dụng công nghệ thông tin.

- Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: Chi nghiệp vụ chuyên môn; chi quản lý ngành, lĩnh vực; chi tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, chi hoạt động kiểm tra thường xuyên của đơn vị.

- Kinh phí sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và bảo dưỡng thường xuyên, mua sắm thay thế các thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức theo quy định.

đ. *Định mức phân bổ và phân bổ bổ sung chưa bao gồm:*

- Các khoản chi hoạt động đặc thù của cơ quan, đoàn thể, các nhiệm vụ đặc thù phát sinh không thường xuyên khác được cơ quan có thẩm quyền quyết định.

Kinh phí thực hiện theo các nội dung quy định tại khoản này được tính toán cụ thể bảo đảm nhu cầu chi hợp lý, tiết kiệm, phù hợp với khả năng ngân sách, nhiệm vụ của thành phố và đơn vị để tổng hợp vào dự toán.

## **2.2 Các đơn vị trường học:**

a. *Định mức chính:* Gồm lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương tính theo quy định hiện hành của sổ biên chế có mặt và hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế có mặt tại thời điểm tháng 11/2021 và kinh phí nâng lương hàng năm.

b. *Định mức phân bổ theo tiêu chí lớp học:* Trên cơ sở kinh phí tính theo định mức, ngân sách Nhà nước hỗ trợ phần kinh phí còn thiếu sau khi đơn vị đã sử dụng 60% nguồn thu học phí. Định mức phân bổ như sau:

- *Đối với bậc Mầm non:*

+ Dưới 10 lớp, định mức 33 triệu đồng/năm/lớp.

+ Từ 10 lớp đến dưới 20 lớp, định mức 28 triệu đồng/năm/lớp.

+ Từ trên 20 lớp, định mức 24 triệu đồng/năm/lớp.

- *Đối với bậc Tiểu học:*

+ Từ 10 lớp trở xuống, định mức 30 triệu đồng/năm/lớp.

+ Từ trên 10 lớp đến dưới 20 lớp, định mức 28 triệu đồng/năm/lớp.

+ Từ 20 lớp đến dưới 30 lớp, định mức 24 triệu đồng/năm/lớp.

+ Từ 30 lớp đến dưới 39 lớp, định mức 21 triệu đồng/năm/lớp.

+ Từ 39 lớp trở lên, định mức 18 triệu đồng/năm/lớp.

- *Đối với bậc THCS:*

+ Từ 12 lớp trở xuống, định mức 33 triệu đồng/năm/lớp.

+ Từ trên 12 lớp đến dưới 20 lớp, định mức 26 triệu đồng/năm/lớp.

+ Từ 20 lớp đến dưới 30 lớp, định mức 22 triệu đồng/năm/lớp.

+ Từ 30 lớp đến dưới 40 lớp, định mức 20 triệu đồng/năm/lớp.

+ Từ trên 40 lớp, định mức 19 triệu đồng/năm/lớp.

c. Định mức trên bao gồm toàn bộ các hoạt động sự nghiệp giáo dục đã giao cho đơn vị bao gồm cả chi nghiệp vụ, chi hợp đồng theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ, chi phụ cấp tăng giờ dạy thay (*trừ trường hợp dạy tăng, dạy thay do thiếu giáo viên theo định mức*), chi hỗ trợ kiêm nhiệm kế toán, chi tiền tiết dạy thể dục ngoài trời (*đối với bậc tiểu học, THCS*), chi mua sắm, sửa chữa trang thiết bị giáo dục...

d. Định mức trên chưa bao gồm các khoản chi mang tính chất riêng biệt, phát sinh không thường xuyên, kinh phí chi trả chế độ thêm giờ do thiếu giáo viên theo định mức.

### **2.3. Các đơn vị sự nghiệp công lập còn lại:**

a. Phân bổ tiền lương, phụ cấp các khoản có tính chất theo lương cho biên chế có mặt và số lượng người làm việc có mặt tại thời điểm tháng 11/2021 theo đề án vị trí việc làm được UBND Thành phố phê duyệt.

b. Định mức chi thường xuyên phân bổ theo biên chế: 30 triệu đồng/người/năm.

c. Phân bổ bổ sung theo nhiệm vụ cụ thể: Được tính toán đảm bảo nhu cầu chi hợp lý, tiết kiệm, phù hợp với khả năng ngân sách, nhiệm vụ của Thành phố và đơn vị để tổng hợp vào dự toán ngân sách.

d. Nguyên tắc hỗ trợ:

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: Ngân sách Nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên.

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu phí được trích lại để thực hiện nhiệm vụ. Đồng thời, yêu cầu dành nguồn thu phí, thu sự nghiệp được để lại theo chế độ của đơn vị để thực hiện cải cách tiền lương.

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên.

### **2.4. Đối với các tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp**

Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao biên chế: Thực hiện khoán kinh phí theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở vận dụng nguyên tắc bố trí chi thường xuyên NSNN lĩnh vực quản lý nhà nước và thực hiện hỗ trợ cho các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

Đối với các hội quần chúng khác bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự bảo đảm kinh phí, hoạt động theo điều lệ và tuân thủ pháp luật; NSNN hỗ trợ cho các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

### **3. Cấp xã:**

**3.1.** Phân bổ các khoản tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương cho cán bộ, công chức; người hoạt động không chuyên trách cấp xã; người hoạt động không chuyên trách cấp thôn, làng, tổ dân phố; bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố; chế độ đối với lực lượng Ban Bảo vệ dân phố; chế độ, chính sách đối với Dân quân; chế độ đối với Trung tâm học tập cộng đồng; chế độ phụ cấp y tế thôn bản.

Trường hợp cán bộ, công chức còn thiếu so với số lượng được giao tính theo mức tạo nguồn với hệ số lương tuyển mới bậc đại học hệ số 2,34 và phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương.

### **3.2. Phân bổ bổ sung các hoạt động thường xuyên, bao gồm:**

- Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng Nông thôn mới, văn minh đô thị" thực hiện theo Nghị quyết số 88/2018/NQ-HĐND

- Kinh phí hoạt động Ban Thanh tra nhân dân thực hiện theo quy định tại Nghị quyết 70/2017/NQ-HĐND tỉnh Gia Lai;

- Kinh phí chăm sóc hoa viên các xã phường có nhiệm vụ quản lý.

- Kinh phí duy tu, sửa chữa đường hẻm, đường GTNT trên địa bàn các phường, xã theo Nghị quyết 22/2016/NQ-HĐND của HĐND thành phố.

### **3.3. Phân bổ kinh phí hoạt động:**

- Phân bổ theo đơn vị hành chính theo định mức tại Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai về Ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai 1.000 triệu đồng/đơn vị.

- Phân bổ bổ sung: 300 triệu đồng/ phường, 200 triệu đồng/ xã để các xã, phường chủ động thực hiện các chính sách chế độ và tăng thêm kinh phí duy tu sửa chữa đường hẻm, đường.

Kinh phí phân bổ hoạt động bao gồm toàn bộ các nhiệm vụ chi đã được phân cấp cho cấp xã.

### **4. Tổng chi ngân sách Thành phố: 1.449.575 triệu đồng, trong đó:**

- Chi đầu tư phát triển: 567.748 triệu đồng.

- Chi thường xuyên: 852.880 triệu đồng.

- Chi dự phòng: 28.947 triệu đồng.

## **III. DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ NĂM 2022**

Căn cứ vào nguồn thu ngân sách cấp Thành phố, nhiệm vụ chi Tỉnh phân cấp, UBND Thành phố xây dựng dự toán thu chi ngân sách cấp Thành phố như sau:

<b>1. Tổng thu ngân sách cấp Thành phố</b>	<b>1.372.986</b>	<b>Triệu đồng</b>
- Thu ngân sách cấp thành phố hưởng theo phân cấp	947.631	Triệu đồng
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	425.355	Triệu đồng
+ Bổ sung cân đối	423.121	Triệu đồng
+ Bổ sung có mục tiêu	2.234	Triệu đồng
<b>2. Chi ngân sách cấp Thành phố</b>	<b>1.372.986</b>	<b>Triệu đồng</b>
- Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp Thành phố theo phân cấp	1.269.537	Triệu đồng
+ Chi đầu tư phát triển	531.557	Triệu đồng
+ Chi thường xuyên	712.406	Triệu đồng
+ Dự phòng	25.574	Triệu đồng
- Bổ sung cho ngân sách xã phường	103.448	Triệu đồng
+ Bổ sung cân đối	95.423	Triệu đồng
+ Bổ sung có mục tiêu	8.025	Triệu đồng

*(Chi tiết phương án phân bổ dự toán ngân sách năm 2022 được tổng hợp trong các biểu mẫu kèm theo).*

UBND Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XII- Kỳ họp thứ Tư xem xét, thông qua./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- TTr Thành ủy (B/cáo);
- Lãnh đạo UBND TP;
- Phòng TCKH;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Đỗ Việt Hưng**